

TẠP CHÍ HÁN NÔM

漢喃雜誌

- * VĂN BẢN CÔNG VĂN HÀNH CHÍNH CHỮ NÔM THỜI GIA LONG
- * ĐẠI NAM THỰC LỤC VÀ TƯ LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN TÀU THUYỀN NGƯỜI THANH TRÊN CÁC VÙNG BIỂN NƯỚC TA
- * THÊM MỘT SỐ TƯ LIỆU MỚI VỀ VỤ VIỆC NGUYỄN CÔNG TRỨ BỊ NGHI NGỜ CÓ "DỊ CHÍ" LÚC CUỐI ĐỜI
- * GIỚI THIỆU MỘT SỐ VĂN BẢN CHỮ HÁN Ở CHÙA TÂY AN (NÚI SAM - CHÂU ĐỐC - AN GIANG)
- * KIM SÁCH CỦA VƯƠNG PHI THỜI MẠC

6(151)

2018



VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

TẠP CHÍ HÁN NÔM

6(151)

183 phố Đặng Tiến Đông, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Tel: 84-024 35.375780 - Fax: 84-4 38.570940

2018

Tổng biên tập: TS. NGUYỄN HỮU MÙI

Phó Tổng biên tập: TS. VƯƠNG THỊ HƯỜNG

Website: <http://www.hannom.org.vn>

MỤC LỤC

ĐỖ THỊ BÍCH TUYẾN	: Văn bản công văn hành chính chữ Nôm thời Gia Long...	3
ĐINH KHẮC THUÂN -	: Về văn bản <i>Ngự chế tài thành phụ tướng thi tập</i> của vua	
NGUYỄN HUY KHUYẾN	Thiệu Trị tại trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV.....	16
HOÀNG PHƯƠNG MAI	: <i>Đại Nam thực lục</i> và tư liệu liên quan đến tàu thuyền người Thanh trên các vùng biển nước ta.....	32
NGUYỄN THANH TÙNG	: Thêm một số tư liệu mới về vụ việc Nguyễn Công Trứ bị nghi ngờ có “dị chí” lúc cuối đời.....	50
NGUYỄN KIM CHÂU	: Giới thiệu một số văn bản chữ Hán ở chùa Tây An (núi Sam - Châu Đốc - An Giang).....	66

SƯU TẦM VÀ TƯ LIỆU THAM KHẢO

NGUYỄN THỊ MINH HẰNG	: Kim sách của vương phi thời Mạc.....	73
ĐÀO THỊ HUỆ	: Mục lục tác giả và bài viết đăng trên <i>Tạp chí Hán Nôm</i> năm 2018.....	76

TIN TỨC

NGUYỄN TUẤN CƯỜNG	: Đoàn Viện Nghiên cứu Hán Nôm dự Hội thảo quốc tế tại Đại học Trịnh Châu, Trung Quốc.....	80
NGUYỄN TUẤN CƯỜNG -	: Đoàn Viện Nghiên cứu Hán Nôm dự Hội thảo quốc tế về Mộc bản Đông Á tại Hàn Quốc.....	81
NGUYỄN ĐÌNH HƯNG		
P.V	: Hội thảo “Trần Nhân Tông và Phật giáo Trúc Lâm - Đặc sắc tư tưởng, văn hóa”.....	82
P.V	: Bảo vệ Luận án Tiến sĩ của NCS Đỗ Thị Mai Hương.....	83
P.V	: Bảo vệ Luận án Tiến sĩ của NCS Nguyễn Thị Hải Vân.....	Bìa 3

GIỚI THIỆU MỘT SỐ VĂN BẢN CHỮ HÁN Ở CHÙA TÂY AN (NÚI SAM - CHÂU ĐỐC - AN GIANG)

NGUYỄN KIM CHÂU*

Tóm tắt: Tây An tự là một ngôi chùa nổi tiếng nằm trong quần thể di tích Núi Sam, Châu Đốc, An Giang. Nơi đây hiện còn lưu giữ nhiều văn bản chữ Hán có giá trị lịch sử, văn chương mang đậm dấu ấn của một thời kỳ văn hóa Hán học đã từng phát triển hưng thịnh trên vùng đất được mệnh danh là “Châu Đốc tân cương” xa xưa, trong đó, đáng chú ý nhất là các hoành phi, câu đối và những bài thơ chữ Hán được khắc trong khu vực mộ tháp. Bài viết hướng tới mục đích tìm hiểu những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các văn bản này để khẳng định rằng: Hệ thống văn bản chữ Hán ở chùa Tây An thực sự là một trường hợp tiêu biểu, có giá trị, rất đáng lưu ý khảo sát, nghiên cứu di sản Hán Nôm ở tỉnh An Giang nói riêng và Đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

Từ khóa: Di sản, câu đối, hoành phi, thơ chữ Hán

Abstract: Tây An is the name of a famous pagoda belonging to the complex of Sam Mountain relics. This place is where reserved a variety of antique Chinese texts, whose historic and literary values can diversely reflect an era of Sino culture flourishing in the area called “Châu Đốc tân cương”. Amongst these are horizontal lacquered boards, antithetical couplets and Sino poems engraved in tomb towers of Tây An pagoda. This paper aims to figure out the unique values of these texts in order to conclude that, the collection of texts written in Chinese at Tây An pagoda is a typical and valuable case on which researches on Sino-Nôm heritages of An Giang province and Mekong Delta should focus.

Keywords: Heritage, antithetical couplets, horizontal lacquered boards, Sino poems

Là một trong những địa điểm du lịch tâm linh nổi tiếng thuộc quần thể di tích Núi Sam, TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang, chùa Tây An có lịch sử tồn tại hơn 170 năm tính từ lúc Tổng đốc An Hà là Doãn Uẩn cho xây chùa (năm 1847) và đã trải qua hai lần đại trùng tu vào các năm 1861, 1958. Với khuôn viên rộng hơn 15.000 m², kiến trúc độc đáo kết hợp hài hòa phong cách nghệ thuật Ấn Độ và kiến trúc cổ dân tộc, lại có vị thế đặc địa ngay ngã ba, đầu đường từ

thành phố Châu Đốc vào, “đứng trên núi, mặt trước trông ra tỉnh thành, phía sau dựa theo vòm núi, tiếng người lặng lẽ, cổ thụ âm u”, Tây An tự được sách *Đại Nam nhất thống chí* đánh giá là “một thắng cảnh thiên lâm” “ở thôn Vĩnh Tế, huyện Tây Xuyên”¹. Đây cũng là một trong vài di tích tiêu biểu được Nguyễn Liên Phong ca ngợi trong *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca*²: “Một tòa chùa

* PGS.TS. Trường Đại học Cần Thơ

Phật Tây an - Nhứt Thừa hòa thượng³
 thanh nhàn tiên du - Roi truyền y bát
 mây thu - Nay còn các sãi giữ tu đến rày
 - Núi Sam trên núi cao xây - Tháp đài
 vòi vọi ngó tây vân tiêu - Cây reo tiếng
 tợ tiêu tiêu - Suong moi⁴ mát mẻ, gió
 chiều lai rai”. Chùa Tây An còn nổi
 tiếng nhờ gắn liền với hành trạng của
 ông Đoàn Minh Huyền, người sáng lập
 đạo phái Bửu Sơn Kỳ Hương (đạo Lành)
 với chủ trương “học Phật tu nhân”, có
 nhiều công lao trong việc giúp dân vượt
 qua dịch bệnh, khuyến khích khai thác
 đất đai, phát triển nông nghiệp, củng cố
 đạo đức xã hội, cải cách tôn giáo,... nên
 được nhân dân nơi đây tôn xưng là Đức
 Phật thầy.

Ngoài vẻ đẹp kiến trúc đặc sắc, chùa
 hiện còn lưu giữ gần 20 hoành phi, hơn
 30 câu đối và nhiều bài thơ chữ Hán
 trong khu vực mộ tháp. Chữ đại tự trên
 các bức hoành phi có nét đẹp phóng
 khoáng, sắc sảo; chữ khắc các câu đối
 trên cột gỗ hầu hết là chữ khải, nét khắc
 khá tinh tế, công phu; các bài thơ trong
 khu vực mộ tháp được khắc trên đá hoa
 cương, chữ khắc chân phương. Nhìn
 chung, đây là ngôi chùa còn lưu giữ
 được những văn bản mang vẻ đẹp điêu
 khắc và thư pháp khá tiêu biểu của kiến
 trúc thờ tự in đậm dấu ấn một thời kỳ
 văn hóa Hán học, đã từng phát triển
 hưng thịnh trên vùng đất có số lượng lớn
 các cơ sở tín ngưỡng đình, chùa, miếu,
 am, dinh, phủ... được phân bố rộng
 khắp và thậm chí, tập trung với mật độ
 dày đặc ở một số vùng thị tứ hay nơi
 phát tích của các đạo phái.

Không chỉ có chức năng trang trí,
 thể hiện nét thẩm mỹ đặc trưng của di

tích cổ, các văn bản chữ Hán ở chùa Tây
 An còn phản ánh rõ những đặc điểm
 chung của hệ thống hoành phi, câu đối,
 thơ ca,... hiện tồn ở các di tích chùa
 chiền thuộc tỉnh An Giang. Thông qua
 những nội dung phổ biến như ca ngợi
 tấm lòng từ bi rộng mở, pháp lực vô
 biên, vai trò quan trọng của Phật - Pháp
 - Tăng trong sứ mệnh tế độ chúng sinh;
 ca ngợi vị thế đẹp đẽ, an nhàn, thanh
 tịnh nơi chùa tọa lạc; tôn vinh, ghi nhớ
 công ơn của người đã xây dựng chùa,
 góp sức hoằng khai giáo pháp hay nhắc
 nhở nhiệm vụ tu hành... các văn bản
 chữ Hán ở chùa Tây An thể hiện những
 nét đặc sắc trong quan niệm triết lý của
 người Nam Bộ ở một vùng đất được lịch
 sử ghi nhận là nơi hình thành và phát
 triển của các đạo phái nội sinh. Những
 quan niệm này vừa được xây dựng trên
 cơ sở kế thừa truyền thống tư tưởng của
 dân tộc, tiếp biến dung hợp với tư tưởng
 tôn giáo bản địa cùng tư tưởng tam giáo
 có nguồn gốc Trung Hoa, vừa được vận
 dụng một cách sáng tạo sao cho phù hợp
 với tính cách của cư dân cũng như bối
 cảnh đặc thù của vùng đất bán sơn địa
 thời bắt đầu khai phá và những giai đoạn
 nhiều biến động lịch sử tiếp sau đó.

Xu hướng tích hợp tư tưởng tam
 giáo, trong đó, đặc biệt quan tâm đến tư
 tưởng Phật giáo (Thiền, Tịnh, Mật) và
 Nho giáo (với tinh thần nhập thế và các
 nguyên tắc tu thân, tam cương ngũ
 thường được đơn giản hóa) để tạo thành
 cơ sở cho tinh thần “học Phật tu nhân”
 đầy tính thực tế, dễ áp dụng thể hiện khá
 rõ trong nội dung một số câu đối ở chùa
 Tây An, tiêu biểu như:

釋氏演三乘欲個個齊成正覺

儒家傳一貫使人人允執厥中

Thích thị diễn tam thừa, dục cá cá tề thành chính giác;

Nho gia truyền nhất quán, sử nhân nhân doãn chấp quyết trung.

Đạo Thích giảng tam thừa, muốn ai ai thầy đều thành chính giác

Nhà Nho truyền nhất quán, khiến người người quyết giữ đạo trung⁵

勅助勤勤勉勵動劬勞君師父一番竭力

志忠恕念慈悲思感應儒釋道三教同心

Sắc khuông nhưong, cần miễn lệ, động cù lao, quân, sử, phụ nhất phiên kiệt lực;

Chí trung thứ, niệm từ bi, tư cảm ứng, Nho, Thích, Đạo tam giáo đồng tâm.

Chớ háp tấp, cần miễn khích lệ, nhớ ơn dưỡng dục, vua, thầy, cha, một đời tận lực

Giữ trung thứ, tụng niệm từ bi, lòng thành cảm ứng, Nho, Phật, Đạo, tam giáo đồng tâm

Dấu ấn kế thừa tư tưởng tam giáo, đặc biệt là Phật giáo và Nho giáo, thể hiện khá rõ trong các câu đối nêu trên qua cách dùng các thuật ngữ Phật giáo (*tam thừa, chính giác*) và các từ ngữ có nguồn gốc từ kinh sách Khổng Mạnh. Chữ *nhất quán* lấy lời Khổng tử nói với Tăng Sâm trong thiên *Lý Nhân* (*Luận ngữ*): “Ngô đạo nhất dĩ quán chi” (Đạo của ta chỉ một lẽ mà thông suốt cả). Theo Tăng Tử, lẽ nhất quán đó chính là đạo *Trung thứ* (*Phụ tử chi đạo, trung thứ nhi dĩ hĩ*), một trong những vấn đề cơ bản của Khổng học, đề cao tinh thần

khoan dung, biết quan tâm đến người khác. Trong *Luận ngữ* (thiên *Vệ Linh công*), Tử Công hỏi thầy rằng: Có chữ nào mà mình theo trọn đời được không?. Khổng Tử đáp: Có lẽ là chữ *Thứ* chăng? Cái gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác. (*Kỳ thứ hồ? Kỳ sở bất dục vật thi ư nhân*). Cụm từ *doãn chấp quyết trung* được trích từ *Kinh Thư*: “Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi. Duy tâm duy nhất, doãn chấp quyết trung” (Dân tâm đang nguy, đạo tâm đang mờ. Phải tinh phải duy nhất, giữ niềm tin vào đạo trung). Ngoài ra, cũng cần lưu ý đến kỹ thuật dùng chữ ở trường hợp thứ hai khi người viết câu đối đã khéo léo dùng chín chữ có bộ *lực* rồi kết lại về trên bằng chữ *lực*, sau đó dùng chín chữ có bộ *tâm* và kết lại về dưới bằng chữ *tâm*. Trong chữ *lực* đã hàm ý nhấn mạnh tinh thần gắng sức nhập thế hành đạo, cứu dân giúp đời và trong chữ *tâm* đã chứa đựng vấn đề cơ bản của học thuyết Thiên tông (Tu tâm, lấy tâm định làm phép tu dưỡng).

Chữ *tâm* và chữ *lực* tiêu biểu cho tinh thần cơ bản của Thiên và Nho đã được đạo phái Bửu Sơn Kỳ Hương tiếp biến, vận dụng vào chủ trương “học Phật tu nhân”, gắn đạo với đời, người theo đạo vừa phải giữ tâm đức trong sáng, biết nhớ ơn nguồn cội, tổ tiên, vừa phải có tính cách thực tế, ý thức trách nhiệm với cuộc sống, nỗ lực hành động để cứu đời, dựng xây quê hương, đất nước. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà trong một ngôi chùa thờ Phật lại có những câu đối đề cao tinh thần hoà hợp đạo với đời: vừa tạ ơn vua lại vừa tạ ơn thần, phật; vừa mong ước xây dựng một quốc

gia cường thịnh có minh quân, lương thần, nhân dân sống hạnh phúc trong trời Nghiêu ngày Thuần, vừa phát nguyện hoằng khai đạo pháp để tế độ chúng sinh qua biển khổ bờ mê:

永濟沐神恩人傑地靈歌舜日
西安霑佛德道弘正化配堯天

Vĩnh Tế mộc thần ân, nhân kiệt địa linh ca Thuần nhật;

Tây An triêm phật đức, đạo hoằng chính hóa phối Nghiêu Thiên.

Vĩnh Tế gọi ơn thần người tài đất linh ca ngày Thuần;

Tây An nhuần đức Phật, phát huy chính đạo hợp trời Nghiêu.

殿上演三乘祝國王堯天舜日
堂中宣諸品願施主壽海福山

Điện thượng diễn tam thừa, chúc quốc vương Nghiêu thiên Thuần nhật;

Đường trung tuyên chư phẩm, nguyện thí chủ thọ hải phúc sơn.

Trên điện giảng tam thừa chúc nhà vua trời Nghiêu ngày Thuần;

Chính đường ban phẩm vật nguyện thí chủ biển thọ non lành.

Nội dung các văn bản chữ Hán ở chùa Tây An cũng cho thấy đường hướng phát triển của Phật giáo trên vùng đất mới là chịu ảnh hưởng khá rõ bởi triết lý Thiên tông. Một số bức hoành phi trong chùa xác định rõ đường hướng đó qua cách dùng từ ngữ và điển cố Phật giáo liên quan đến lịch sử truyền thừa của chi phái Thiên tông, chẳng hạn: *Thiên gia mô phạm* (Nhà Thiên mẫu mực), *Tịnh ngộ sắc không* (Thiên tịnh ngộ lẽ sắc không), *Ngũ điệp quang huy* (Năm lá sáng ngời),... Năm lá hay năm

cánh hoa chỉ năm phái Thiên tông. Trong *Truyền đăng lục* (chương *Đạt Ma*), có bài kê truyền pháp của Đạt Ma rằng: Ta vốn đến đất này - Truyền pháp cứu mẹ tinh - Một hoa nở năm cánh - Kết quả tự nhiên thành. (*Ngô bản lai tư thố - Truyền pháp cứu mê tinh - Nhất hoa khai ngũ điệp - Kết quả tự nhiên thành*)⁶. Đòi sau cho đó là lời sám ngữ tiên báo sự xuất hiện của năm phái Thiên tông gồm Lâm Tế, Quy Ngưỡng, Văn môn, Pháp Nhãn, Tào Động.

Một số câu đối cũng phản ánh rõ đặc điểm này:

衣鉢真傳永繼黃梅興大道
拈花頓悟承當靈鷲振宗風

Y bát chân truyền, vĩnh kế Hoàng Mai⁷ hưng đại đạo;

Niệm hoa đón ngộ⁸, thừa đương Linh Thứu chân tông phong.

Y bát chân truyền, mãi nối Hoàng Mai chân hưng đại đạo;

Niệm hoa đón ngộ, kế thừa Linh Thứu⁹ phát triển tông phong.

明鏡非臺色上是空照見本來真面目
菩提無樹空中妙有常開不謝道心花

Minh kính phi đài, sắc thượng thị không, chiếu kiến bản lai chân diện mục¹⁰;

Bồ đề vô thụ¹¹, không trung diệu hữu thường khai bất tạ đạo tâm hoa.

Giương sáng không đài, trên sắc là không, soi thấu bản lai chân diện mục;

Bồ đề chẳng nhánh, trong không lại có, thường nở chẳng rụng đạo tâm hoa;

慈悲作室通慧作門不須問宅居何在
法喜爲妻智度爲母無煩詢骨肉之誰

*Từ bi tác thất, thông tuệ tác môn,
bất tu vấn trạch cư hà tại;*

*Pháp hi vi thể, trí độ vi mẫu, vô
phiền tuân cốt nhục vi thù.*

(Lấy) từ bi làm nhà, (lấy) thông tuệ
làm cửa, không nên hỏi nhà cửa ở nơi đâu;

(Lấy) đạo pháp làm vợ, (lấy) trí độ
làm mẹ, chẳng phiền tra vấn cốt nhục là ai.

面命耳提宣法寶勤策勵百載難忘
恩至重

傳衣付鉢發宗風興祖印千秋得繼
道精微

*Diện mệnh nhĩ đề¹², tuyên pháp bảo,
cần sách lệ, bách tải nan vong ân chí
trọng;*

*Truyền y phó bát, chấn tông phong,
hưng tổ ấn, thiên thu đắc kế đạo tinh
trung.*

Ân cần chỉ dạy, truyền pháp bảo,
chăm chỉ khích lệ, trăm năm chẳng quên
on rất nặng;

Truyền y phó bát, phát tông phong,
chấn hưng ấn tổ, ngàn thu nổi được đạo
sáng ngời.

Có khá nhiều bài thơ mang dạng
thức *tứ cú kệ* được khắc trên các mộ
tháp chùa Tây An. Bài thơ trích dẫn sau
đây là một trường hợp khá tiêu biểu có
nhắc đến phương pháp đặc hiệu mà các
vị thiền sư thường dùng để tác động,
kích thích tư duy ngộ hầu giúp người
học giác ngộ, hiểu được lẽ thiên:

山居色納太虛空

萬象森羅盡在中

左右逢原皆佛事

不消棒喝不施功

Sơn cư sắc nạp thái hư không,

Vạn tượng sâm la tận tại trung.

Tả hữu phùng nguyên giai phật sự,

Bất tiêu bổng hát, bất thi công.

Núi non thu nạp cả trời không,

Vạn vật bao la thấy ở trong.

Trái, phải gặp nguồn đều việc Phật,

Chẳng cần đánh hét, chẳng ra công.

Bổng là cây gậy ngắn. *Hát* là hét to,
gào, quát mắng. Bài thơ có ý nhắc đến
chủ trương của giáo pháp Thiên tông là
không hoặc hạn chế dùng lời, tác động
trực tiếp vào tâm để giác ngộ người học
(*bất lập văn tự - trực chỉ nhân tâm*). Khi
được các đệ tử vấn đạo, thiền sư thường
trả lời rất ngắn gọn, thậm chí im lặng,
hoặc đánh, hoặc hét to,... Tác động bất
ngờ và mạnh mẽ đó được xem là một
“cú hích” nhằm khai mở trí huệ, khiến
tâm bừng sáng, có thể ngay lập tức thức
nhận được chân lý không không.

Ngoài ra, một số câu đối và thơ chữ
Hán trong chính điện và ở khu vực mộ
tháp còn có nội dung ghi nhớ, thương tiếc,
tán tụng công đức, ca ngợi tài năng,
phẩm hạnh của những người trụ trì đã
hoằng khai giáo pháp, trùng tu cảnh chùa,
trong đó, có đức Phật thầy Đoàn Minh
Huyền, người đã đóng góp nhiều công
sức cải cách Phật giáo, tuyên truyền
chính đạo, khuyến khích phát triển nông
nghiệp, giúp cho tên tuổi của Tây An tự
vang xa khắp vùng đồng bằng:

生前傳衣鉢雖無子而有子

沒後繼世香維也亡而不亡

*Sinh tiền truyền y bát, tuy vô tử nhi
hữu tử;*

*Một hậu kế thế hương, duy dã vong
nhi bất vong.*

Lúc sống truyền y bát, tuy không
con mà như có;

Khi chết nổi tiếng thơm, dầu đã mất
mà vẫn còn.

改格僧徒提唱自由宣正法

維新佛學要求平等度衆生

*Cải cách tăng đồ, đề xướng tự do
tuyên chính pháp;*

*Duy tân Phật học, yêu cầu bình
đẳng độ chúng sinh.*

Cải cách tăng đồ, đề xướng tự do
truyền bá chính đạo;

Đôi mới Phật học, yêu cầu bình
đẳng tế độ chúng sinh.

培養善根二十年來圓結果

滋榮貝葉州餘世下覺花開

*Bồi dưỡng thiện căn, nhị thập niên
lai viên quả kết;*

*Tư vinh bối diệp, châu dư thế hạ giác
hoa khai.*

Bồi dưỡng gốc thiện, hai chục năm
qua đã kết quả;

Vun tươi bối diệp, một vùng trần thế
đã khai hoa.

魄往西方苾草凋殘猶未死

魂歸壽域莢花落去有餘香

*Phách vãng Tây phương, tất thảo
điều tàn do vị tử;*

*Hồn quy thọ vực, vân hoa lạc khứ
hữu dư hương.*

Phách đến Tây phương, cỏ ngát lại
tàn mà chưa mất;

Hồn về cõi thọ, hoa thơm rơi rụng
vẫn còn hương.

Bài thơ khắc trên mộ tháp được trích
dẫn dưới đây cũng thể hiện khá rõ tình
cảm ngưỡng mộ, tiếc thương, ghi nhớ
công đức của những thế hệ trụ trì đã góp
phần vun đắp, phát triển vai trò, vị thế
của chùa Tây An đến tận ngày nay:

寶筏慈航恒濟衆

塔留舍利隱藏中

清涼法水塵環洒

靜境安閑滿願終

Bảo phiệt từ hàng hằng tế chúng,

Tháp lưu xá lợi ẩn tàng trung.

Thanh lương pháp thủy trần hoàn sái,

Tĩnh cảnh an nhàn mãn nguyện chung.

Bè quý thuyền từ thường độ chúng,

Tháp gìn xá lợi ẩn bên trong.

Rảy nước phép màu ban trần thế,

An nhàn cảnh tĩnh việc đời xong!

Hoành phi, câu đối, thơ chữ Hán, vừa
là những dấu tích đặc trưng của một thời
kỳ văn hóa Hán học còn in đậm trong
tổng thể kiến trúc cổ xưa vừa là các văn
bản được “thiên hóa” trong không gian
thờ tự. Chúng không chỉ thực hiện chức
năng giao tiếp giữa con người với Thần
Phật mà còn là những châm ngôn chuẩn
mực, những lời giáo huấn cô đọng, hàm
súc, có khả năng tác động tâm linh sâu xa,
sức thuyết phục mạnh mẽ và đặc biệt là
có tầm phổ quát, truyền bá, lan tỏa rộng
lớn. Trong các văn bản mang màu sắc
thần thiêng đó, người xưa đã gửi gắm
những thông điệp mang ý nghĩa triết lý,
giáo dục sâu sắc nhằm giúp các thế hệ
đời sau học tập, rèn tính luyện tài, tu
nhân tích đức, ngõ hầu tiếp nối giữ gìn,
phát huy cơ nghiệp của cha ông. Mặt
khác, thông qua chúng, con người hiện
đại còn có thể hình dung được phần nào
những nét đặc sắc trong diện mạo, đời
sống vật chất và tinh thần của tiền nhân.
Nếu căn cứ vào các đặc điểm nêu trên, có
thể thấy rằng hệ thống văn bản chữ Hán
ở chùa Tây An thực sự là một trường hợp
tiêu biểu, có giá trị, rất đáng lưu ý khi

khảo sát, nghiên cứu di sản Hán Nôm ở tỉnh An Giang nói riêng và đồng bằng sông Cửu Long nói chung./.

N.K.C

Chú thích

1. *Đại Nam nhất thống chí*, phần Lục tỉnh Nam Việt, tập Hạ (An Giang - Hà Tiên) - trang 38.

2. *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca*, cuốn 2, trang 95. Khi trích, người viết đã giữ đúng nguyên văn chính tả (Tây An) và chỗ lặp từ (Núi Sam trên núi cao xây).

3. Nhứt Thừa hòa thượng: tức Thiền sư Minh Võ, người tiếp nối trụ trì chùa Tây An, sau Phật thầy Đoàn Minh Huyền.

4. Mơi: biến âm của từ “mai” theo cách nói của người Nam Bộ.

5. Khi dẫn văn bản, người viết không dịch sát nghĩa mà có ý dịch thoát để cố gắng làm rõ tính chất văn chương của chúng.

6. *Truyền đăng lục*, trang 205.

7. Hoàng Mai: tức Hoàng Mai Hoàng Nhẫn, Ngũ tổ Thiền tông Trung Hoa, nhận y bát truyền thừa từ Tứ tổ Đạo Tín.

8. Niêm hoa đốn ngộ: hay Niêm hoa vi tiểu, điển Phật giáo, xuất phát từ tích: trong cuộc hội ở Linh Sơn, Đức Thế Tôn giơ cành hoa ra hiệu cho đại chúng. Mọi người đều im lặng, không hiểu, chỉ có Ca Diếp rặng rỡ mỉm cười. *Từ điển Phật học Hán Việt*, trang 930.

9. Linh Thứu: vùng đất thánh địa của Phật giáo, nơi Phật Thích Ca thuyết pháp (núi Kỳ Xà Quật, Ấn Độ), nơi bề quan tu

hành của Nhiên Đăng cổ phật (Đại Tuyết phong, Lô Sơn, Trung Quốc).

10. Bản lai chân diện mục (gương mặt thật xưa nay): mức cực độ trong pháp của Thiền môn, đó là tướng không của mọi sự vật trước khi sinh ra thức. *Từ điển Phật học Hán Việt*, trang 88.

11. Lấy chữ từ bài kệ của Huệ Năng đối đáp với Thần Tú, chép trong *Truyền đăng lục*: “Bồ đề bản vô thụ- Minh kính diệc phi đài- Bản lai vô nhất vật- hà xứ nhạ trần ai” (Bồ đề vốn chẳng cây- Gương sáng cũng không đài- Xưa nay không một vật- Bụi trần bám vào đâu?), *Truyền đăng lục*, trang 245.

12. Diện mệnh nhĩ đề: lấy chữ từ *Kinh Thi*, phần *Đại nhã*, nghĩa là ân cần chỉ dạy, truyền bảo.

Tài liệu tham khảo

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phân viện Nghiên cứu Phật học (2004), *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

2. Khổng Tử (2004), *Kinh Thi* (quyển 2), Tạ Quang Phát dịch, Nxb. Văn học, Hà Nội.

3. Sa môn Đạo Nguyên (2006), *Truyền đăng lục*, Lý Việt Dũng dịch, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

4. Nguyễn Liên Phong (1909), *Nam kỳ phong tục nhơn vật điển ca*, cuốn 2, Sài Gòn (bản ebook).

5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, phần *Lục tỉnh Nam Việt*, tập Hạ (An Giang - Hà Tiên), Tu Trai Nguyễn Tạo dịch (1973), Nha Văn hóa, Phủ Quốc vụ khanh phụ trách văn hóa, Sài Gòn.